

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

ĐỀ THI SỐ 02

MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG

THỜI GIẠN: 60 phút (Không kể thời gian phát đề)

Câu 1. Theo Hiến pháp năm 2013, quyền lực nhà nước là:

- A. Thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- B. Thống nhất và phân quyền giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- ✗ C. Thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- D. Thống nhất, có sự phân công, phối hợp và phân định thẩm quyền giữa cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương.

Câu 2. Xác định nguyên tắc tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- ✗ A. Tập trung dân chủ.
- B. Tập thể.
- C. Pháp chế.
- D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 3. Theo qui định của Hiến pháp năm 2013:

- A. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.
- B. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia có các dân tộc và các vùng lãnh thổ theo qui định của pháp luật.
- C. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và bảo đảm điều kiện để các dân tộc bình đẳng phát triển.
- ✗ D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 4. Theo qui định của Hiến pháp năm 2013, xác định thẩm quyền bãi nhiệm đại biểu Quốc hội khi không còn xứng đáng với sự tin nhiệm của Nhân dân thuộc:

- ✗ A. Quốc hội.
- B. Nhân dân.
- C. Cử tri hoặc Quốc hội.
- D. Cử tri.

Câu 5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức:

- A. Liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
- B. Liên minh giai cấp.

Đề thi số 02

Trang 1/11

- C. Liên hiệp xã hội.
X D. Tất cả phương án trên đều sai.

Câu 6. Xác định quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

- X A. Tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.
B. Ban hành văn bản qui phạm pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.
C. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tổ chức đoàn thể.
D. Thay mặt nhà nước thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo.

Câu 7. Theo Hiến pháp năm 2013, ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được:

- A. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp.
B. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo pháp luật.
X C. Công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.
D. Bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật.

Câu 8. Xác định quyền con người theo Hiến pháp năm 2013:

- A. Quyền có nơi ở hợp pháp.
B. Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.
C. Quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân.
X D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 9. Xác định chủ thể được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận có "quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước":

- A. Các cơ quan, tổ chức.
B. Mọi người.
X C. Công dân Việt Nam.
D. Cả 2 phương án A và B đều đúng.

Câu 10. Xác định mục tiêu xây dựng nền kinh tế Việt Nam giai đoạn hiện nay:

- A. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. ✖
B. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. ✖
C. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần kinh tế trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò quyết định. ✖
X D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 11. Theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, phân loại đơn vị hành chính phải dựa trên các tiêu chí:

- A. Mật độ dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc, tốc độ tăng trưởng kinh tế và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính. ✖
X B. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo. ✖

6. 6 9 40
- C. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số đơn vị hành chính trực thuộc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng loại đơn vị hành chính.
 - D. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên, số lượng các cơ quan chuyên môn và số đơn vị hành chính trực thuộc, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của từng loại đơn vị hành chính.

Câu 12. Xác định nội dung không phải là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương theo qui định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015:

- A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng pháp luật. ✓
- B. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. ✓
- C. Hiện đại, minh bạch, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân. ✓
- D. Chịu trách nhiệm cá nhân. ✓

Câu 13. Xác định nội dung không thuộc qui định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 về tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân:

- A. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.
- B. Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp.
- C. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tin nhiệm. ✓
- D. Có điều kiện tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân.

Câu 14. Ủy ban nhân dân do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

- A. cơ quan hành chính nhà nước ✓
- B. cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất
- C. là tổ chức chính trị xã hội
- D. đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân

Câu 15. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân được tổ chức ở:

- A. Cấp tỉnh
- B. Cấp huyện
- C. Cấp tỉnh, cấp huyện ✓
- D. Cấp xã

Câu 16. Theo qui định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015:

- A. Việc phân quyền cho mỗi cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong các luật.
- B. Việc phân quyền cho mỗi cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong văn bản pháp luật. ✓
- C. Việc phân quyền cho mỗi cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong văn bản qui phạm pháp luật. ✓
- D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 17. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, tỉnh loại II và loại III có:

- A. Không quá một Phó Chủ tịch.
- B. Không quá hai Phó Chủ tịch.

C. Không quá ba Phó Chủ tịch.

D. Không quá bốn Phó Chủ tịch.

Câu 18. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, nội dung nào thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh?

A. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

B. Tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật, tiếp công dân theo quy định của pháp luật.

C. Thực hiện các biện pháp xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh. HNND

D. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. HNND

Câu 19. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi:

A. Có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

B. Có ít nhất một phần hai tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

C. Có ba phần tư tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

D. Có từ 10% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.

Câu 20. Theo qui định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, phiên họp Ủy ban nhân dân chỉ được tiến hành khi có ít nhất:

A. Một phần hai tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự.

B. Hai phần ba tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự.

C. Ba phần tư tổng số thành viên Ủy ban nhân dân tham dự.

D. Tất cả phương án trên đều sai.

Câu 21. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát là nguyên tắc trong:

A. Văn hóa giao tiếp ở công sở.

B. Tổ chức và hoạt động của cơ quan.

C. Giao tiếp với nhân dân.

D. Thi hành công vụ.

Câu 22. Xác định nguyên tắc trong thi hành công vụ của cán bộ, công chức theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008:

A. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

B. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.

C. Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 23. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, điều đồng là việc:

A. Cán bộ được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

B. Công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

- X C. Cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển từ cơ quan, tổ chức, đơn vị này đến làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.
D. Công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị này được cử đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo yêu cầu nhiệm vụ.

Câu 24. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, xác định nghĩa vụ của công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân:

- A. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân.
B. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.
C. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
X D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 25. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, xác định quyền của công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ:

- A. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ. ✓
B. Được hỗ trợ trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định. ✓
C. Được cung cấp thông tin. ✓
X D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 26. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, văn hóa giao tiếp ở công sở của cán bộ, công chức:

- A. Phải giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức.
B. Phải tích cực tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
X C. Phải lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp; công bằng, vô tư, khách quan khi nhận xét, đánh giá; thực hiện dân chủ và đoàn kết nội bộ.
D. Không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức.

Câu 27. Căn cứ Luật Cán bộ, công chức năm 2008, xác định việc công chức không được làm:

- A. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao.
B. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức.
X C. Cả hai phương án A và B đều đúng.
D. Cả hai phương án A và B đều sai.

Câu 28. Xác định những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ theo qui định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008:

- A. Sử dụng tài sản của Nhà nước và của nhân dân trái pháp luật. ✓
B. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi.
C. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.
X D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 29. Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2018, xác định nguyên tắc tuyên dụng công chức:

- A. Bình đẳng, khách quan, đúng pháp luật.
- B. Bảo đảm tính cạnh tranh.
- C. Trung thực, khách quan, đúng pháp luật.
- D. Tiết kiệm, hiệu quả, tuyển chọn đúng người đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và vị trí việc làm.

Câu 30. Trên cơ sở Luật Cán bộ, công chức năm 2008, xác định mục đích đánh giá cán bộ:

- A. Kết quả đánh giá là căn cứ để bổ trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ.
- B. Kết quả đánh giá là cơ sở để xem xét phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc của cán bộ.
- C. Kết quả đánh giá là căn cứ xác định năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ.
- D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 31. Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, xác định hành vi tham ô tài sản:

- A. Là hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước.
- B. Là hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước.
- C. Không phải là hành vi tham nhũng.
- D. Cả hai trường hợp A và B đều đúng.

Câu 32. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, trách nhiệm giải trình là:

- A. Việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về quyết định, hành vi của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.
- B. Việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền cung cấp thông tin khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.
- C. Việc cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về lỗi vi hành chính của mình.
- D. Việc cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền làm rõ thông tin, giải thích kịp thời, đầy đủ về hành vi hành chính của mình trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

Câu 33. Căn cứ của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, xác định nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng:

- A. Kiên nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- B. Hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong phòng, chống tham nhũng.
- C. Phát hiện về hành vi tham nhũng.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 34. Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, xác định các hành vi bị ngghiêm cấm:

- A. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
- B. Bao che hành vi tham nhũng.

- C. Lợi dụng việc phản ánh, báo cáo, tố cáo, tố giác, báo tin, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng để vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 35. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khu vực nhà nước phải:

- A. Công khai về tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
- B. Công khai, minh bạch thông tin về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật.
- C. Minh bạch mọi thông tin về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.
- D. Công khai, minh bạch về quy trình thành lập và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Câu 36. Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, xác định các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước:

- A. Công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động.
- B. Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- C. Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn.
- D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 37. Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Cơ quan nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

- A. Đưa nội dung giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống nhằm phòng, chống tham nhũng vào chương trình giáo dục, đào tạo.
- B. Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.
- C. Hướng dẫn áp dụng hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, ban hành định mức tiêu chuẩn.
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 38. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được:

- A. Bổ trí anh, chị, em của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- B. Bổ trí bố đẻ, mẹ đẻ, bố vợ hoặc chồng, mẹ vợ hoặc chồng của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- C. Bổ trí vợ hoặc chồng chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- D. Bổ trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Câu 39. Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người thực hiện trách nhiệm giải trình về quyết định, hành vi của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ là:

- A. Người ban hành quyết định, người thực hiện hành vi.
- B. Người đứng đầu cơ quan quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị.

C. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

D. Người đứng đầu cơ quan tổ chức thi hành quyết định, giám sát thực hiện hành vi.

Câu 40. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 quy định Cơ quan, tổ chức, đơn vị theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác:

A. Đối với cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng.

B. Đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng.

C. Đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng.

D. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Câu 41. Theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020, hoàn thiện quy định của pháp luật về đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện trên cơ sở:

A. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

B. Định mức thực hiện nhiệm vụ được giao.

C. Sản phẩm của nền hành chính nhà nước.

D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 42. Xác định nhiệm vụ của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020:

A. Cải cách thể chế.

B. Cải cách thủ tục hành chính.

C. Hiện đại hóa hành chính.

D. Tất cả phương án trên đều đúng.

Câu 43. “Thực hiện có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước” thuộc nhiệm vụ nào của Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020?

A. Cải cách thể chế hành chính nhà nước.

B. Hiện đại hóa nền hành chính.

C. Cải cách thủ tục hành chính.

D. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.

Câu 44. Quyết định 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, xác định yêu cầu đối với cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020:

A. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

B. Bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

C. Gắn cải cách hành chính với cải cách lập pháp, tư pháp.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

6. B
7. C
8. A

Câu 45. Cải cách hành chính nhà nước là:

- A. Là một quá trình thay đổi cơ bản, lâu dài, liên tục cơ cấu quyền lực và tất cả các hoạt động có ý thức của bộ máy nhà nước.
- B. Là một quá trình thay đổi nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hành chính của bộ máy nhà nước.
- C. Là thay cũ, đổi mới, bãi bỏ tất cả những quy định cũ.
- D. Câu A và B đúng.

Câu 46. Theo Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ, năm 2020 mức độ hài lòng của người dân doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt:

- A. Trên 50 %
- B. Trên 60 %
- C. Trên 70%
- D. Trên 80%

Câu 47. Theo Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ, "Đổi mới phương thức tuyển dụng công chức, viên chức" là nội dung thuộc:

- A. Cải cách thể chế.
- B. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
- C. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
- D. Nâng cao chất lượng chỉ đạo điều hành CCHC.

Câu 48. Đổi mới đánh giá chất lượng cơ quan đơn vị hàng năm ở tỉnh Thừa Thiên Huế là nội dung thuộc:

- A. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC.
- B. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước.
- C. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.
- D. Hiện đại hóa hành chính

Câu 49. Nội dung không phải nhiệm vụ cải cách tổ chức bộ máy nhà nước ở tỉnh Thừa Thiên Huế:

- A. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, của các cơ quan, đơn vị
- B. Hoàn thiện việc phân loại đơn vị hành chính cấp tỉnh, huyện.
- C. Nghiên cứu xây dựng, áp dụng mô hình đánh giá tổ chức.
- D. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Câu 50. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở tỉnh Thừa Thiên Huế, đến năm 2020 là:

- A. 90 % thủ tục hành chính mức độ 3, trong đó có 40% thủ tục hành chính mức độ 4
- B. 100 % thủ tục hành chính mức độ 3, trong đó có 40% thủ tục hành chính mức độ 4
- C. 90 % thủ tục hành chính mức độ 3, trong đó có 50% thủ tục hành chính mức độ 4
- D. 100 % thủ tục hành chính mức độ 3, trong đó có 50% thủ tục hành chính mức độ 4

Câu 51. Xác định nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015:

- A. Bảo đảm tính hợp pháp, tính hợp li của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
- B. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

6. b 9 A
10. B
11. A

C. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

D. Bảo đảm tính hợp pháp, tính kinh tế và tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

Câu 52. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng như sau:

A. Áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

B. Áp dụng văn bản ban hành sau.

C. Không áp dụng văn bản nào cả.

D. Áp dụng văn bản chuyên ngành điều chỉnh lĩnh vực đó.

Câu 53. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, chủ thể có thẩm quyền bãi bỏ nghị quyết trái pháp luật của Hội đồng nhân dân cấp huyện:

A. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

B. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

C. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

D. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Câu 54. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, xác định thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân:

A. Quyết định.

B. Thông báo.

C. Chỉ thị.

D. Nghị quyết.

Câu 55. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, xác định văn bản quy phạm pháp luật:

A. Quyết định của Bộ trưởng.

B. Nghị quyết của Chính phủ.

C. Cả hai phương án A và B đều đúng.

D. Cả hai phương án A và B đều sai.

Câu 56. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, xác định loại văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân các cấp:

A. Nghị quyết.

B. Quyết nghị.

C. Chỉ thị.

D. Nghị quyết liên tịch.

Câu 57. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện do cơ quan nào trình:

A. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

C. Phòng Tư pháp.

D. Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cấp huyện.

Đề thi số 02

Trang 10/11

Câu 58. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật của HDND, UBND cấp tỉnh như sau:

- A. Sau 15 ngày kể từ ngày ký ban hành.
- B. Không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.
- C. Sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.
- D. Không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Câu 59. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

- A. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật.
- B. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật.
- C. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

Câu 60. Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

- A. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật.
- B. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật.
- C. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.
- D. Tất cả các phương án trên đều đúng.

———— HẾT ————
(Đề thi gồm có 11 trang)

Lưu ý:

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu khi làm bài trắc nghiệm.
- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.